

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2193/UBND-KTTH

Quảng Ngãi, ngày 12 tháng 6 năm 2013

Về phương án phân bổ
nguồn thu vượt dự toán
HĐND tỉnh giao năm 2012

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI	
CV ĐẾN	Số:.....3.802.....
	Ngày: 12/6/2013.....
	Chuyên:.....

Kính gửi: Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh

Theo hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Thông tư số 59/2003/TT-BTC ngày 26/6/2003 về thực hiện Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước và kết quả thu ngân sách cấp tỉnh năm 2012, Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng phương án phân bổ nguồn thu vượt dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao năm 2012 báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét và cho ý kiến để thống nhất trình Thường trực Tỉnh ủy có ý kiến chỉ đạo, làm cơ sở triển khai thực hiện, cụ thể:

I. Kết quả thu cân đối ngân sách nhà nước năm 2012:

1. Dự toán thu cân đối ngân sách nhà nước năm 2012 Hội đồng nhân dân tỉnh giao 18.298.300 triệu đồng; bao gồm:

- a) Thu nội địa: 14.398.300 triệu đồng;
- b) Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu: 3.900.000 triệu đồng.

2. Kết quả thu cân đối ngân sách nhà nước năm 2012 là 18.715.952 triệu đồng; bao gồm:

- a) Thu nội địa: 16.176.777 triệu đồng.
- b) Thu hoạt động xuất, nhập khẩu: 2.539.175 triệu đồng.

Chi tiết theo Phụ lục đính kèm Công văn này.

II. Phương án phân bổ nguồn thu vượt dự toán:

Phần thu vượt dự toán ngân sách cấp tỉnh hưởng 244.236 triệu đồng, dành 50% để tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương là 122.118 triệu đồng; phần 50% còn lại 122.118 triệu đồng, phân bổ như sau:

1. Hỗ trợ các huyện hụt thu cân đối ngân sách do thu không đạt dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao năm 2012 là 33.100 triệu đồng. Gồm các huyện: Mộ Đức 2.000 triệu đồng, Sơn Tịnh 1.600 triệu đồng, Tư Nghĩa 1.500 triệu đồng, Bình Sơn 28.000 triệu đồng.

2. Bổ sung ngân sách các huyện để thực hiện chế độ chính sách của tỉnh: 3.958 triệu đồng; gồm: Mộ Đức 496 triệu đồng, Nghĩa Hành 515 triệu đồng, Tư Nghĩa 300 triệu đồng, Minh Long 420 triệu đồng, Ba Tư 1.214 triệu đồng, Sơn Tây 177 triệu đồng, Sơn Hà 836 triệu đồng.

3. Hỗ trợ kinh phí chi thường xuyên phát sinh của các huyện nhưng chưa có nguồn bố trí 3.529 triệu đồng; gồm: Nghĩa Hành 500 triệu đồng, Tư Nghĩa 300 triệu đồng, Minh Long 600 triệu đồng, Trà Bồng 300 triệu đồng, Tây Trà 1.300 triệu đồng, Sơn Tây 529 triệu đồng.

4. Hỗ trợ Cục Thuế tỉnh Quảng Ngãi 800 triệu đồng để thực hiện công tác tuyên truyền chính sách thuế trên địa bàn tỉnh (*xây dựng, sửa chữa các cụm panô*).

5. Trả phí tạm ứng Kho bạc Nhà nước 4.680 triệu đồng.

6. Bố trí vốn chi đầu tư xây dựng cơ bản 76.051 triệu đồng.

Ưu tiên bố trí cho một số danh mục sử dụng vốn ứng trước đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua, theo tiêu chí: Các công trình trọng điểm cấp bách; các công trình phục vụ cho yêu cầu an ninh quốc phòng, hoàn thiện công trình để phát huy hiệu quả phục vụ phát triển kinh tế xã hội gắn với thực hiện các Nghị quyết của Tỉnh ủy, các công trình để giải quyết các bức xúc của nhân dân, sửa chữa trụ sở xuống cấp và xây dựng cho các đơn vị mới thành lập nhưng chưa có trụ sở... đồng thời, bố trí đối ứng với ngân sách trung ương phát sinh trong năm 2013 chưa có nguồn; cụ thể như sau:

a) Các dự án đã giao kế hoạch hoạch vốn ứng trước dự toán 2014 (*theo Quyết định số 304/QĐ-UBND ngày 14/12/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh*) 68.551 triệu đồng; gồm:

(1) Doanh trại Ban Chỉ huy Quân sự huyện Minh Long 4.000 triệu đồng (*tổng mức đầu tư 10.778 triệu đồng*).

(2) Nhà tạm giữ hành chính thuộc Công an huyện Sơn Tây 1.600 triệu đồng (*tổng mức đầu tư 1.641 triệu đồng*).

(3) Cải tạo, nâng cấp Đồn Biên phòng cửa khẩu Cảng Dung Quất 2.500 triệu đồng (*tổng mức đầu tư 5.000 triệu đồng*).

(4) Sửa chữa, mở rộng nhà làm việc Chi cục Thú y 2.000 triệu đồng (*tổng mức đầu tư 2.000 triệu đồng*).

(5) Trụ sở Đội Quản lý Thị trường số 6 là 2.500 triệu đồng (*tổng mức đầu tư 7.324 triệu đồng*).

(6) Nhà làm việc Liên minh Hợp tác xã 2.500 triệu đồng (*tổng mức đầu tư 7.875 triệu đồng*).

(7) Đường Ngô Sĩ Liên 13.000 triệu đồng (tổng mức đầu tư 42.406 triệu đồng).

(8) Đường Quốc lộ 1A – Mỹ Á – KCN Phố Phong (giai đoạn 1) 12.000 triệu đồng (tổng vốn ngân sách tỉnh 36.125 triệu đồng).

(9) Trụ sở làm việc Huyện ủy Tư Nghĩa 5.000 triệu đồng (tổng mức đầu tư 14.983 triệu đồng).

(10) Đường trục chính Khu Du lịch Sa Huỳnh (nối dài) 10.451 triệu đồng (đối ứng với phần vốn hỗ trợ của trung ương).

(11) Trường Đại học Phạm Văn Đồng 13.000 triệu đồng.

b) Bố trí đối ứng cho công trình trung ương quyết định đầu tư phát sinh trong năm 2013 là Trung tâm hoạt động thanh thiếu niên Tỉnh Quảng Ngãi 7.500 triệu đồng (tổng mức đầu tư 89.200 triệu đồng, trong đó vốn tỉnh đối ứng 39.000 triệu đồng).

Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét và cho ý kiến để thống nhất trình Thường trực Tỉnh ủy có ý kiến chỉ đạo, làm cơ sở triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT Tỉnh ủy (báo cáo);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư;
- VPUB: C,PVP, các phòng nghiên cứu, CBTH;
- Lưu: VT, P.KTTH. Vy239



Cao Khoa

PHỤ LỤC
THU CÂN ĐỐI NSNN VÀ THU PHỐI CHIA GIỮA CÁC CẤP NGÂN SÁCH - NĂM 2012
 (Kèm theo Công văn số 14/UBND-GTTH ngày 12/6/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Phần I: Thu cân đối ngân sách theo từng khoản thu

ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán Trung ương giao năm 2012	Dự toán UBND tỉnh giao năm 2012	Thực hiện năm 2012	% So với dự toán		Trong đó cấp NS hưởng			Ghi chú
					Trung ương giao	UBND tỉnh giao	Trung ương	Tỉnh	Huyện, xã	
A	B	(1)	(2)	(3)	(4)=(3)/(1)	(5)=(3)/(2)	(6)	(7)	(8)	(9)
A	Thu cân đối NSNN trên địa bàn	18.194.000	18.298.300	18.715.952	102,9	102,3	13.997.651	4.088.090	630.211	
I	Thu nội địa	14.294.000	14.398.300	16.176.777	113,2	112,4	11.458.476	4.088.090	630.211	
1	Thu từ DNNN	12.730.000	12.782.000	14.554.612	114,3	113,9	10.951.313	3.598.393	4.906	
	<i>Trong đó thu từ NMLD Dung Quất</i>	<i>12.120.000</i>	<i>12.120.000</i>	<i>14.032.233</i>	<i>115,8</i>	<i>115,8</i>	<i>10.749.782</i>	<i>3.282.451</i>	<i>0</i>	
	-Thuế GTGT	8.360.000	8.360.000	7.977.860	95,4	95,4	7.592.753	385.107		
	-Thuế TTĐB	3.760.000	3.760.000	4.749.744	126,3	126,3	1.852.400	2.897.344		
	-Thu khác			1.304.629			1.304.629			
2	Thu từ XN có vốn đầu tư nước ngoài	170.000	170.000	292.618	172,1	172,1	102.345	190.225	48	
3	Thu từ khu vực CTN ngoài QĐ	700.000	737.000	765.148	109,3	103,8	284.682	89.440	391.026	
4	Lệ phí trước bạ	66.000	66.500	64.175	97,2	96,5			64.175	
5	Thuế sử dụng đất nông nghiệp			328					328	
6	Thuế SD đất phi nông nghiệp	4.000	4.800	4.734	118,4	98,6			4.734	
7	Thuế thu nhập cá nhân	115.000	115.000	130.226	113,2	113,2	50.788	79.438		
8	Thuế bảo vệ môi trường	137.000	151.000	161.651	118,0	107,1	63.044	98.607		
9	Thu phí, lệ phí	27.000	27.000	23.490	87,0	87,0	6.252	9.385	7.853	
10	Tiền sử dụng đất	300.000	300.000	124.019	41,3	41,3		10.850	113.169	
11	Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	9.000	9.000	9.329	103,7	103,7			9.329	
12	Thu tiền bán nhà thuộc sở hữu NN			934			52	410	472	
13	Thu khác	24.000	24.000	27.571	114,9	114,9		11.342	16.229	
14	Thu tại xã	12.000	12.000	17.942	149,5	149,5			17.942	
II	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	3.900.000	3.900.000	2.539.175	65,1	65,1	2.539.175	0	0	
B	Thu cân đối theo cấp ngân sách	18.194.000	18.298.300	18.715.952	102,9	102,3				
1	Ngân sách trung ương	13.627.506	13.663.660	13.997.651	102,7	102,4				
2	Ngân sách địa phương	4.566.494	4.634.640	4.718.301	103,3	101,8				

Phần II: Thu cân đối theo từng cấp ngân sách

ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán Trung ương giao năm 2012	Dự toán HĐND tỉnh giao năm 2012	Thực hiện năm 2012	% So với dự toán		Tăng, giảm (-) thu so với		Ghi chú
					Trung ương giao	HĐND tỉnh giao	Dự toán TW giao	Dự toán Tỉnh giao	
A	B	(1)	(2)	(3)	(4)=(3)/(1)	(5)=(3)/(2)	(6)=(3)-(1)	(7)=(3)-(2)	(8)
A	Thu NSTU' hưởng	13.627.506	13.663.660	13.997.651	102,7	102,4	370.145	333.991	
	Trong đó:								
	Thu nội địa	9.727.506	9.763.660	11.458.476	117,8	117,4	1.730.970	1.694.816	
	Thu xuất, nhập khẩu	3.900.000	3.900.000	2.539.175	65,1	65,1	-1.360.825	-1.360.825	
B	Tổng thu NSDP được hưởng (1)+(2)	4.566.494	4.634.640	4.718.301	103,3	101,8	151.807	83.661	
	Trong đó:								
	Thu tiền sử dụng đất (SDD)	300.000	300.000	124.019	41,3	41,3	-175.981	-175.981	
	Thu tại xã	12.000	12.000	17.942	149,5	149,5	5.942	5.942	
	Thu cân đối còn lại (trừ SDD và thu xã)	4.254.494	4.322.640	4.576.340	107,6	105,9	321.846	253.700	
1	Số thu NS tỉnh hưởng	3.852.428	3.898.004	4.088.090	106,1	104,9	235.662	190.086	
	Trong đó:								
a	Thu tiền sử dụng đất (SDD)	65.000	65.000	10.850	16,7	16,7	-54.150	-54.150	
b	Số thu cân đối đã trừ tiền SDD	3.787.428	3.833.004	4.077.240	107,7	106,4	289.812	244.236	
2	Số thu NS cấp huyện, xã hưởng	714.066	736.636	630.211	88,3	85,6	-83.855	-106.425	
	Trong đó:								
a	Thu tiền sử dụng đất	235.000	235.000	113.169	48,2	48,2	-121.831	-121.831	
b	Thu tại xã	12.000	12.000	17.942	149,5	149,5	5.942	5.942	
c	Số thu cân đối đã trừ tiền SDD, thu xã	467.066	489.636	499.100	106,9	101,9	32.034	9.464	